TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAH'LEO** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DSST
Ngày: 10-7-2019.
"V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Văn Long
Các hội thẩm nhân dân gồm có:
1. Ông Võ Ánh Sửu
2. Bà H'Uyên Ayun

- Thư ký phiên toà: Ông Phan Việt Tiệp - Thư ký Toà án nhân dân huyện Ea H'Leo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo tham gia phiên tòa: ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2019 tại phòng xử án - Toà án nhân dân huyện Ea H'leo, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 272/2018/TLST-DSST, ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2019/QĐXXST–DSST, ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2019/QĐST-DS ngày 24/6/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.
Địa chỉ: quận B, thành phố Hà Nội.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc Kh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.
Người đại diện theo ủy quyền: ông Đinh Xuân Ph – Giám đốc Ngân hàng A - Chi nhánh xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.
Người được ủy quyền lại: Ông Trương Văn M – Phó Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. *Có mặt*.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964. *Đều vắng mặt.*
Địa chỉ: Thôn S, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
1. Anh Nguyễn Xuân T – sinh năm 1987. Vắng mặt.
2. Nguyễn Chí C – sinh năm 1991. Vắng mặt.
3. Chị Nguyễn Thị Th – sinh năm 1994. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn s, xã E, huyện E, tỉnh Đăk Lăk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trương Văn M trình bày:***

Vào ngày 31/8/2016 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L ký 02 hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng A – chi nhánh E, huyện E, cụ thể: Hợp đồng số 5224LAV 201602139 ông H, bà L vay số tiền gốc là 300.000.000 đồng, mục đích vay đầu tư chăm sóc cà phê, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất trong hạn 10,5%/năm, lãi suất quá hạn 15,75%/năm; Hợp đồng số 5224LAV 201602140 ông H, bà L vay số tiền gốc là 200.000.000 đồng, mục đích vay mua sắm vật dụng sinh hoạt gia đình, thời hạn vay 11 tháng, lãi suất trong hạn 11,5%/năm, lãi suất quá hạn 17,25%/năm. Thời hạn trả nợ cuối cùng của hai hợp đồng này là ngày 25/7/2017. Ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền vay của hai hợp đồng nói trên cho ông H, bà L ngày 31/8/2016.

Để bảo đảm tiền vay ông H, bà L ký hợp đồng thế chấp số 241119417/HĐTC ngày 29/8/2016, thế chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 676099, do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 19/02/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 413 với diện tích diện tích 165 m2 đất ở, thuộc tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thôn 6, xã Ea Ral, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, tài sản trên đất có 01 ngôi nhà xây.

Đến hạn trả nợ theo hợp đồng, ông H, bà L không tự nguyện trả nợ. Ngân hàng đã đề nghị trả nợ nhiều lần nhưng ông H, bà L cố tình chây ỳ, trốn tránh không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi theo hợp đồng.

Tổng số nợ của ông Hà, bà Lợi tính đến ngày 09/7/2019 là 711.793.056 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng (nợ gốc của Hợp đồng số 5224LAV 201602139 là 300.000.000 đồng, nợ gốc của số 5224LAV 201602140 là 200.000.000 đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn của hai hợp đồng tổng cộng là 211.793.056đ (lãi trong hạn của Hợp đồng số 5224LAV 201602139 là 91.175.000 đồng, lãi quá hạn: 31.237.500 đồng; lãi trong hạn của Hợp đồng số 5224LAV 201602140 là 66.572.222 đồng, lãi quá hạn: 22.808.333 đồng).

Nay, ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L phải trả tổng số nợ cả gốc và lãi nói trên và phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 10/7/2019 cho đến khi trả hết toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký. Trong trường hợp ông H, bà L không trả được nợ thì ngân hàng yêu cầu được xử lý toàn bộ tài sản đã thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241119417/HĐTC ngày 29/8/2016 để thu hồi nợ.

****Tại bản tự khai ngày 09/11/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn H trình bày:***

Ông Nguyễn Văn H thừa nhận vào ngày 31/8/2016 vợ chồng ông bà có ký hợp đồng vay của Ngân hàng A– Chi nhánh E số tiền 500.000.000 đồng và khoãn lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả nợ gốc và lãi suất theo các hợp đồng tín dụng nói trên thì ông xin được trả dần trong vòng 2 năm.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa án tham gia tố tụng nhưng bà L vẫn vắng mặt không có lý do.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Nguyễn Xuân T trình bày: Tôi là con ruột của ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L. Năm 2016, bố mẹ chúng tôi có ký hợp đồng vay vốn ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh xã Ea Ral, huyện Ea H'Leo, chúng tôi đã ủy quyền cho bố mẹ tôi ký hợp đồng vay vốn của ngân hàng, nay Ngân hàng và bố mẹ tôi có tranh chấp về hợp đồng vay vốn nói trên, chúng tôi không có liên quan gì vì tài sản là của bố mẹ tôi và khi vay chúng tôi cũng đã ủy quyền cho bố mẹ tôi đúng theo quy định của pháp luật. Nay tôi không có tranh chấp hay yêu cầu gì đối với các tài sản mà bố mẹ tôi đã thế chấp để vay vốn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và tôi đề nghị tòa án xét xử vụ án vắng mặt tôi.

Anh Nguyễn Chí C và chị Nguyễn Thị Th đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Hợp đồng tín dụng số 5224LAV 201602139 và hợp đồng tín dụng số số 5224LAV 201602140 cùng ngày 31/8/2016; Đơn yêu cầu thế chấp Quyền sử dụng đất; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241119417/HĐTC ngày 29/8/2016; Giấy chứng nhận QSDĐ số AM 676099, do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 19/02/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L; Hợp đồng ủy quyền số 241119417 ngày 01/3/2018; Bảng theo dõi phát tiền vay và kỳ hạn trả nợ; Giấy Uỷ quyền số 241119417 ngày 29/8/2016; Giấy báo nợ đến hạn, giấy báo nợ quá hạn; Biên bản làm việc xử lý nợ; Bảng tính lãi chi tiết từng lần giải ngân đến ngày 09/7/2019.

Các tài liệu do bị đơn cung cấp: bị đơn không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Bản tự khai của ông Nguyễn Văn H; bản tự khai và đơn xin xét xử vắng mặt của anh Nguyễn Xuân T; bản tự khai của ông Trương Văn M người đại diện của nguyên đơn; Biên bản xác minh nơi cư trú của đương sự; kết luận giám định chữ ký, chữ viết số 46/PC09 ngày 24/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, về chữ ký, chữ viết của bà Nguyễn Thị L trong hợp đồng vay vốn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và Nguyên đơn đều tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do là từ bỏ quyền tham gia tố tụng của mình.

Về nội dung vụ kiện: Sau khi phân tích và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của đương sự có mặt tại phiên toà, xét thấy phía nguyên đơn có đủ căn cứ pháp lý để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các quy định của pháp luật: chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bị đơn ông bà Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng A– Chi nhánh xã E, huyện E tổng số nợ là 711.793.056 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng, nợ lãi tính đến ngày 09/7/2019 là 211.793.056 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân Hàng A – Chi nhánh E đối với bị đơn ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L là quan hệ tranh chấp về hợp đồng tín dụng mục đích vay vốn là để mua sắm đồ dùng sinh hoạt và chăm sóc cà phê nên thuộc loại án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền, nghĩa vụ liên quan dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L phải trả tổng số tiền nợ tính đến ngày 09/7/2019 là 711.793.056 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng (nợ gốc của Hợp đồng số 5224LAV 201602139 là 300.000.000 đồng, nợ gốc của hợp đồng tín dụng số số 5224LAV 201602140 là 200.000.000 đồng), nợ lãi trong hạn và quá hạn của hai hợp đồng tổng cộng là 211.793.056 đồng (lãi trong hạn của Hợp đồng số 5224LAV 201602139 là 91.175.000 đồng, lãi quá hạn: 31.237.500 đồng; lãi trong hạn của Hợp đồng số 5224LAV 201602140 là 66.572.222 đồng, lãi quá hạn: 22.808.333 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 10/7/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ, thì thấy:

Việc vợ chồng ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L ký hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng A– Chi nhánh xã E, huyện E là có thực được chứng minh qua các hợp đồng tín dụng số 5224LAV 201602139 và hợp đồng tín dụng số số 5224LAV 201602140 ngày 31/8/2016 và sự thừa nhận của bị đơn ông Nguyễn Văn H tại bản tự khai ngày 09/11/2018 và kết luận giám định số 46/PC09 ngày 24/5/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, đã kết luận: Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị L dưới mục đại diện bên B (bên vay) trong các tài liệu giám định, Hợp đồng tín dụng số 5224LAV 201602139 và hợp đồng tín dụng số số 5224LAV 201602140 cùng ngày 31/8/2016; hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 241119417/HĐTC ngày 29/8/2016; Giấy ủy quyền số 241119417 ngày 29/8/2016, là do cùng một người ký và viết ra.

Theo các hợp đồng nói trên thì thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 25/7/2017, nhưng đến nay ông H, bà L vẫn không trả cho Ngân hàng được bất cứ khoản tiền nào kể cả nợ gốc và lãi suất mặc dù Ngân hàng đã thông báo cho ông H, bà L thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhiều lần. Như vậy ông H, bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký làm ảnh hưởng đến đến quyền lợi hợp pháp của bên cho vay. Vì vậy yêu cầu khởi kiện nguyên đơn là có căn cứ, cần áp dụng các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng A– Chi nhánh xã E, huyện E tổng số tiền nợ của hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày

09/7/2019 là 711.793.056 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng và khoản lãi suất là 211.793.056 đồng *(nợ gốc của Hợp đồng số 5224LAV 201602139 là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 91.175.000 đồng, lãi quá hạn: 31.237.500 đồng; nợ gốc của hợp đồng số 5224LAV 201602140 là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.572.222 đồng, lãi quá hạn: 22.808.333 đồng),* ngoài ra ông H, bà L còn phải chịu thêm khoản lãi suất phát sinh theo các hợp đồng tính dụng đã ký nói trên tính từ ngày 10/7/2019 đến khi trả hết nợ.

[3] Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn: Để bảo đảm tiền vay ông H, bà L ký hợp đồng thế chấp số 241119417/HĐTC ngày 29/8/2016, thế chấp cho Ngân hàng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 676099, do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 19/02/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 413 với diện tích diện tích 165 m2 đất ở, thuộc tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thôn 6, xã EaRal, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk, tài sản trên đất có 01 ngôi nhà xây. Khi ký hợp đồng thế chấp đã được các thành viên trong hộ là anh Nguyễn Xuân T, Nguyễn Chí C, chị Nguyễn Thị Th làm hợp đồng ủy quyền cho ông bà H, L "thay mặt họ liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để lập các thủ tục, ký vào các loại văn bản, giấy tờ có liên quan đến việc chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp vay vốn, bảo lãnh vay vốn, xử lý tài sản thế chấp, bảo lãnh vay vốn tại các tổ chức tín dụng đối với các tài sản trên". Tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói trên là hợp pháp có hiệu lực pháp luật. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà ông H bà L vẫn không thanh toán được số nợ trên thì Ngân hàng A– Chi nhánh xã E được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nói trên để thu hồi nợ.

[4] Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng *(Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)*, do bà Nguyễn Thị L cố tình vắng mặt nên phải tiến hành giám định chữ ký và chữ viết của bà, kết luận giám định chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị L trong hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản là do cùng một người Nguyễn Thị L ký và viết ra, đồng thời yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên ông H và bà L phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định nói trên. Do phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng chi phí giám định nên buộc ông H và bà L phải trả số tiền trên cho nguyên đơn.

[5] Về án phí: ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ án phí DSST là 32.471.722 đồng *(Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm hai hai đồng)*

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên phía nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 47, khoản 2 Điều 161, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 318, 319, 422, 343,355 và Điều 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật Luật tổ chức tín dụng năm 2010; điểm a khoản 1 Điều

12, Điều 56 và Điều 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch bảo đảm; Điều 15 Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Nghị định 163/2006/NĐ-CP; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử*:**

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

Buộc vợ chồng ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L phải trả cho Ngân hàng A– Chi nhánh xã E, huyện E tổng số tiền nợ của hai hợp đồng tín dụng tính đến ngày 09/7/2019 là 711.793.056 đồng, trong đó nợ gốc: 500.000.000 đồng và lãi khoản lãi suất là 211.793.056 đồng *(nợ gốc của Hợp đồng số 5224LAV 201602139 là 300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 91.175.000 đồng, lãi quá hạn: 31.237.500 đồng; nợ gốc của hợp đồng tín dụng số 5224LAV 201602140 là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 66.572.222 đồng, lãi quá hạn: 22.808.333 đồng)*. Ngoài ra ông H, bà L còn phải chịu thêm khoản lãi suất quá hạn phát sinh theo theo các hợp đồng tính dụng đã ký nói trên tính từ ngày 10/7/2019 đến khi trả hết nợ.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L không thực hiện việc thanh toán toàn bộ số nợ trên thì Ngân hàng A – Chi nhánh xã E được quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 676099, do UBND huyện Ea H'Leo cấp ngày 19/02/2009 cho hộ ông Nguyễn Văn H, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 413 với diện tích diện tích 165 m2 đất ở, thuộc tờ bản đồ số 06, đất tọa lạc tại thôn 6, xã EaRal, huyện Ea H'leo, tỉnh Đắk Lắk và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 241119417/HĐTC ngày 29/8/2016, để thu hồi nợ.

Về chi phí giám định chữ ký,chữ viết: Ông bà Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 5.040.000 đồng *(Năm triệu không trăm bốn mươi nghìn đồng)*. Ông H, bà L phải trả số tiền này cho Ngân hàng A– Chi nhánh xã E, huyện E (do Ngân hàng đã nộp tạm ứng và chi phí xong).

Về án phí: Vợ chồng ông bà Nguyễn Văn H – Nguyễn Thị L phải nộp 32.471.722 đồng *(Ba mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi mốt nghìn bảy trăm hai hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng A– Chi nhánh xã E, huyện E 14.802.000 đồng *(mười bốn triệu tám trăm lẽ hai nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0008848 ngày 15/10/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết công khai bản án.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền

kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Ea H'leo;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện E;
- Toà án nhân dân tỉnh ĐăkLăk;
- Lưu hồ sơ, vi tính.

Bùi Văn Long